TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2022
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

+ Bà Lại Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Đinh Thị An- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐHPT- ST ngày 06/9/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Trần Thanh H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn P, xã Đ huyện Kim Bảng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 7 năm 2021 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 2, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2022, anh Nguyễn Đức H là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị H đã trình bày. Trong thời gian chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, nhiều lần anh có đến nói chuyện để đón mẹ con chị H về chung sống nhưng chị H vẫn cố tình không về. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Chị Trần Thanh H và anh Nguyễn Đức H thống nhất trình bầy có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 21/7/2020 và cháu Nguyễn Nhã U, sinh ngày 08/01/2022, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Anh H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con riêng; Không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Chị H và anh H cùng thống nhất trình bầy không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thanh H. Xử ly hôn giữa chị Trần Thanh H và anh Nguyễn Đức H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 21/7/2020 và cháu Nguyễn Nhã U, sinh ngày 08/01/2022 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Đức H là bị đơn; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thanh H và anh Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra to tiếng, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 7 năm 2021 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 2, xã T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Qua tài liệu điều tra xác minh thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H ly hôn anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Hiền và anh Huynh có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 21/7/2020 và cháu Nguyễn Nhã U, sinh ngày 08/01/2022. Khi ly hôn chị H và anh H không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên khi ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung. Về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 21/7/2020 và cháu Nguyễn Nhã U, sinh ngày 08/01/2022 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H theo sự tự nguyện của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có

[3] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H và anh H đều trình bầy không có.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81 ; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thanh H và anh Nguyễn Đức H.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 21/7/2020 và cháu Nguyễn Nhã U, sinh ngày 08/01/2022 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A, cháu U đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001312 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đồng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt